

# BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

## BÁO CÁO CẬP NHẬT VỀ ĐỘNG THÁI ÁP THUẾ ĐỐI ỨNG TỪ MỸ P3



## Thuế đối ứng kéo theo lo ngại căng thẳng thương mại thế giới

Tổng thống Trump công bố Sắc lệnh áp thuế 10% với toàn bộ hàng hoá từ tất cả các quốc gia, và áp thuế đối ứng đối với các quốc gia/vùng lãnh thổ có thâm hụt thương mại lớn với Mỹ.

02/04

Hoãn thuế 90 ngày đối với các quốc gia quyết định không trả đũa theo bất kỳ cách nào, và áp thuế 125% đối với Trung Quốc.

09/04

Anh trở thành nước đầu tiên đạt thỏa thuận thương mại với Mỹ, kể từ khi chính sách thuế đối ứng được công bố.

09/05

**Việt Nam chịu mức thuế 20% đối với hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ và 40% với hàng hóa trung chuyển. Hàng hóa Mỹ được miễn thuế khi nhập khẩu vào Việt Nam**

12/05

Trong 90 ngày, Trung Quốc cam kết hạ thuế từ 125% xuống còn 10%; Mỹ giảm thuế từ 145% xuống 30%.

02/07

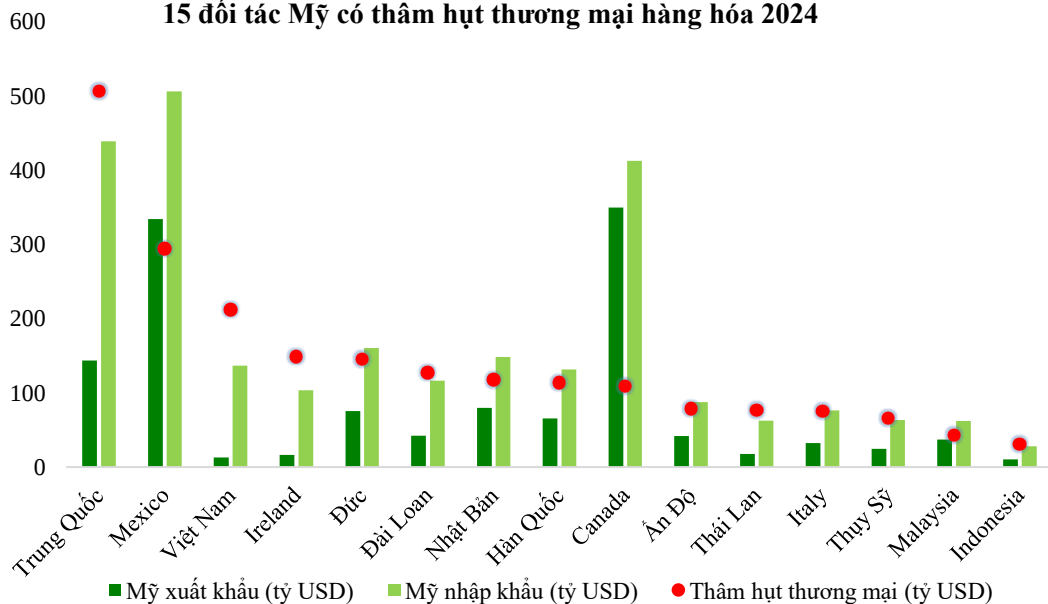
Thuế đối ứng mới cho một số quốc gia, từ 25% đến 40%.

07/07

Mỹ tiếp tục công bố thuế đối ứng cho một số quốc gia

01/08

**15 đối tác Mỹ có thâm hụt thương mại hàng hóa 2024**



- Thuế đối ứng (Reciprocal tariffs) là một chính sách thương mại do Tổng thống Donald Trump triển khai trong nhiệm kỳ thứ hai, nhằm giảm thâm hụt thương mại của Mỹ và gây áp lực buộc các quốc gia có thặng dư thương mại lớn với Mỹ phải mở cửa thị trường.
- Các động thái áp thuế sẽ có tác động không hề nhỏ đối với các quốc gia có thặng dư thương mại cao đối với Mỹ. Từ đó, sự kiện này kéo theo tâm lý thận trọng, và lo ngại căng thẳng thương mại xảy ra.
- Các chính sách thuế quan của Tổng thống Donald Trump, thường bắt đầu bằng các đề xuất mạnh mẽ, nhằm tạo ra ưu thế đàm phán tối đa.
- Hiện nay, các quốc gia vẫn đang tiến hành đàm phán nhằm đạt được các thỏa thuận song phương.

## Trước bối cảnh căng thẳng thương mại, Việt Nam với thế mạnh ngoại giao mở ra nhiều cơ hội chiến lược

| Quốc gia và vùng lãnh thổ | Thuế quan |
|---------------------------|-----------|
| Syria                     | 41%       |
| Lào                       | 40%       |
| Myanmar                   | 40%       |
| Thụy Sĩ                   | 39%       |
| Iraq                      | 35%       |
| Serbia                    | 35%       |
| Algeria                   | 30%       |
| Bosnia và Herzegovina     | 30%       |
| Libya                     | 30%       |
| Nam Phi                   | 30%       |
| Brunei                    | 25%       |
| Ấn Độ                     | 25%       |
| Kazakhstan                | 25%       |
| Moldova                   | 25%       |
| Tunisia                   | 25%       |
| Bangladesh                | 20%       |
| Sri Lanka                 | 20%       |

| Quốc gia và vùng lãnh thổ | Thuế quan |
|---------------------------|-----------|
| Đài Loan                  | 20%       |
| Việt Nam                  | 20%       |
| Campuchia                 | 19%       |
| Indonesia                 | 19%       |
| Malaysia                  | 19%       |
| Pakistan                  | 19%       |
| Philippines               | 19%       |
| Thái Lan                  | 19%       |
| Nicaragua                 | 18%       |
| Afghanistan               | 15%       |
| Angola                    | 15%       |
| Bolivia                   | 15%       |
| Botswana                  | 15%       |
| Cameroon                  | 15%       |
| Chad                      | 15%       |
| Costa Rica                | 15%       |
| Bờ Biển Ngà               | 15%       |

| Quốc gia và vùng lãnh thổ | Thuế quan |
|---------------------------|-----------|
| Cộng hòa Dân chủ Congo    | 15%       |
| Ecuador                   | 15%       |
| Guinea Xích Đạo           | 15%       |
| Fiji                      | 15%       |
| Ghana                     | 15%       |
| Guyana                    | 15%       |
| Iceland                   | 15%       |
| Israel                    | 15%       |
| Nhật Bản                  | 15%       |
| Jordan                    | 15%       |
| Lesotho                   | 15%       |
| Liechtenstein             | 15%       |
| Madagascar                | 15%       |
| Malawi                    | 15%       |
| Mauritius                 | 15%       |
| Mozambique                | 15%       |
| Namibia                   | 15%       |

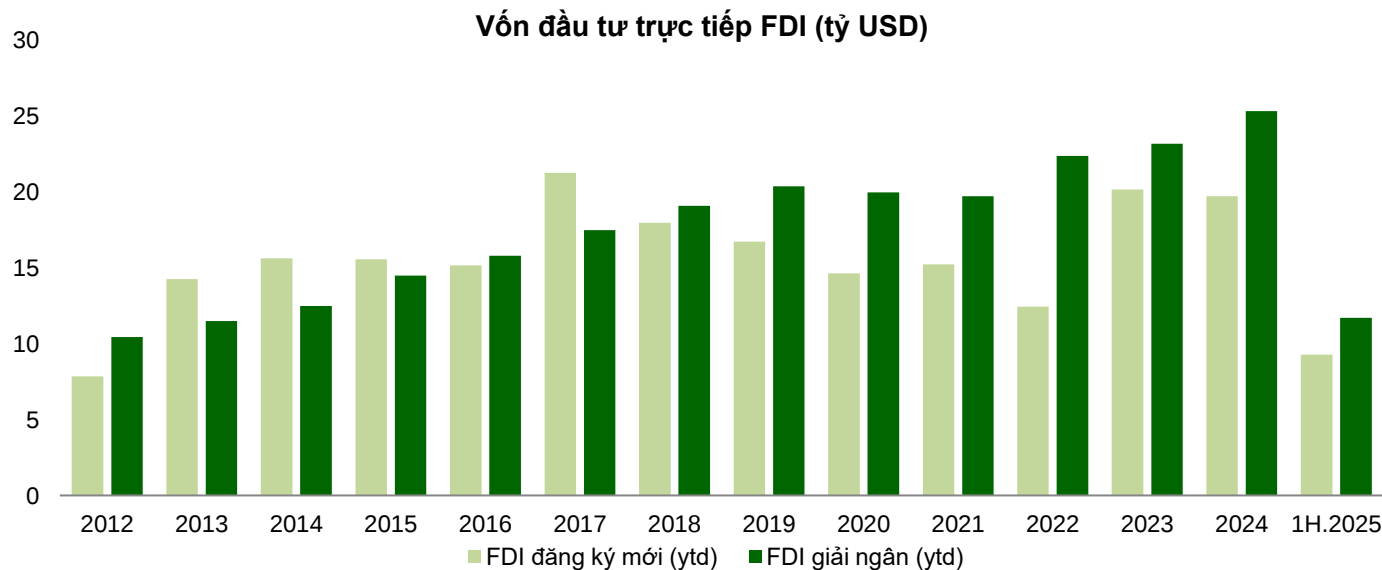
| Quốc gia và vùng lãnh thổ | Thuế quan |
|---------------------------|-----------|
| Nauru                     | 15%       |
| New Zealand               | 15%       |
| Nigeria                   | 15%       |
| Bắc Macedonia             | 15%       |
| Na Uy                     | 15%       |
| Papua New Guinea          | 15%       |
| Hàn Quốc                  | 15%       |
| Trinidad và Tobago        | 15%       |
| Thổ Nhĩ Kỳ                | 15%       |
| Uganda                    | 15%       |
| Vanuatu                   | 15%       |
| Venezuela                 | 15%       |
| Zambia                    | 15%       |
| Zimbabwe                  | 15%       |
| Liên minh Châu Âu         | 0 - 15%   |
| Brazil                    | 10%       |
| Quần đảo Falkland         | 10%       |
| Vương quốc Anh            | 10%       |

- So sánh với các quốc gia khác, Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên được công bố đạt được thỏa thuận thương mại với Hoa Kỳ. **Điều này cho thấy sự chủ động và linh hoạt của Việt Nam trong chiến lược đối ngoại và thương mại.**
- Thuế đối ứng của Việt Nam thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác như Lào (40%), Myanmar (40%), Brunei (25%), Ấn Độ (25%). Điều này mở ra cơ hội xuất khẩu tiềm năng sang thị trường Mỹ.
- Mỹ áp mức thuế đối với Việt Nam là 20%, trong khi thuế đối với một số quốc gia Đông Nam Á (như Campuchia, Indonesia, Malaysia, Thái Lan) là 19%. Chúng tôi cho rằng: nếu xét về chi phí xuất khẩu, thì mức chênh lệch này không tác động quá nhiều. Tuy nhiên, con số chênh lệch này mang hàm ý: Mỹ vẫn đánh giá rủi ro hàng trung chuyển sang Việt Nam.

## Việt Nam sở hữu môi trường kinh doanh ổn định

Trước bối cảnh đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam đã thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) do sở hữu những lợi thế và chính sách ưu đãi

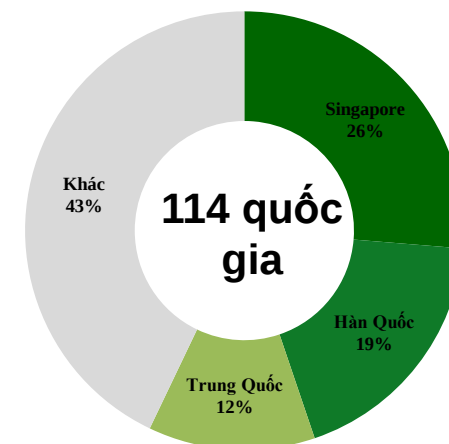
- Vị trí địa lý: Việt Nam có vị trí địa lý tiếp giáp với biển và các bến cảng chiến lược
- Chi phí sản xuất: Hiện nay chi phí giá thuê đất tại các khu công nghiệp chưa quá cao; bên cạnh đó, giá điện của Việt Nam là một trong những quốc gia thấp nhất trong khu vực
- Chi phí nhân công: Việt Nam sở hữu “dân số vàng” với 70% dân số trong độ tuổi lao động, và chi phí nhân công tương đối thấp so với các nước.
- Môi trường đầu tư: được thể hiện thông qua ổn định bộ máy chính trị, hoặc các chính sách ưu đãi và thu hút các doanh nghiệp FDI.



## Lĩnh vực ngành nghề đầu tư 2024



## Đối tác đầu tư 2024



| Quốc gia  | Vị trí địa lý                                                        | Giá thuê đất KCN bình quân (USD/m2/kỳ) 2018-2024 | Giá điện doanh nghiệp bình quân (USD/kWh) 2023-2025 | Lao động                                      | Môi trường đầu tư                                           |
|-----------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Việt Nam  | Vị trí chiến lược Đông Nam Á, sở hữu nhiều bến cảng                  | 65 -115                                          | 0.077                                               | Dân số vàng                                   | FTA, ưu đãi thuế (10-15%)                                   |
| Ấn Độ     | Tiếp giáp nhiều khu vực lớn, nhưng xa chuỗi cung ứng ASEAN           | 130 - 150                                        | 0.126                                               | Đồng dân lao động, chất lượng không đều       | Rủi ro địa chính trị: trung bình                            |
| Brunei    | Quốc gia nhỏ, xa trung tâm chuỗi cung ứng                            | 120 - 200                                        | N/A                                                 | Kỹ năng cao, phụ thuộc nhập cư                | Ổn định, thuế thấp, thiếu đa dạng chính sách ưu đãi         |
| Indonesia | 17,000 đảo, kết nối biển tốt, nhưng logistics trong nước còn hạn chế | 140 -158                                         | 0.071                                               | Đồng, giá rẻ, kỹ năng hạn chế                 | Tài nguyên lớn, vẫn còn tham nhũng, quy định không đồng đều |
| Malaysia  | Giữa Đông Nam Á, cảng lớn                                            | 146 - 163                                        | 0.128                                               | Chất lượng cao, phụ thuộc nhập cư             | Ổn định, minh bạch, cơ sở hạ tầng tốt                       |
| Thái Lan  | Giao điểm thương mại Đông Nam Á                                      | 135 - 157                                        | 0.129                                               | Lành nghề, năng suất cao, đang già hóa dân số | Ổn định, hỗ trợ đầu tư nước ngoài                           |

- Thuế đối ứng của Việt Nam thấp hơn so với một số quốc gia châu Á như: Brunei (25%), Ấn Độ (25%). Và nhìn vào bảng so sánh: Việt Nam vẫn đang sở hữu những thế mạnh nổi trội hơn các quốc gia này.
- Tuy nhiên, mức thuế đối với Việt Nam vẫn cao hơn so với một số quốc gia trong khu vực như Campuchia, Indonesia, Malaysia, Thái Lan (là 19%). Chúng tôi cho rằng mức chênh lệch này là rất thấp. Trong khi đó, Việt Nam vẫn sở hữu những lợi thế rõ ràng (về sản xuất và thu hút dòng vốn FDI) so với các quốc gia trong khu vực.
- Theo đó, VCBS kỳ vọng **Việt Nam vẫn có cơ hội nổi bật như một điểm đến lý tưởng cho đầu tư và hoạt động sản xuất - kinh doanh, và củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.**

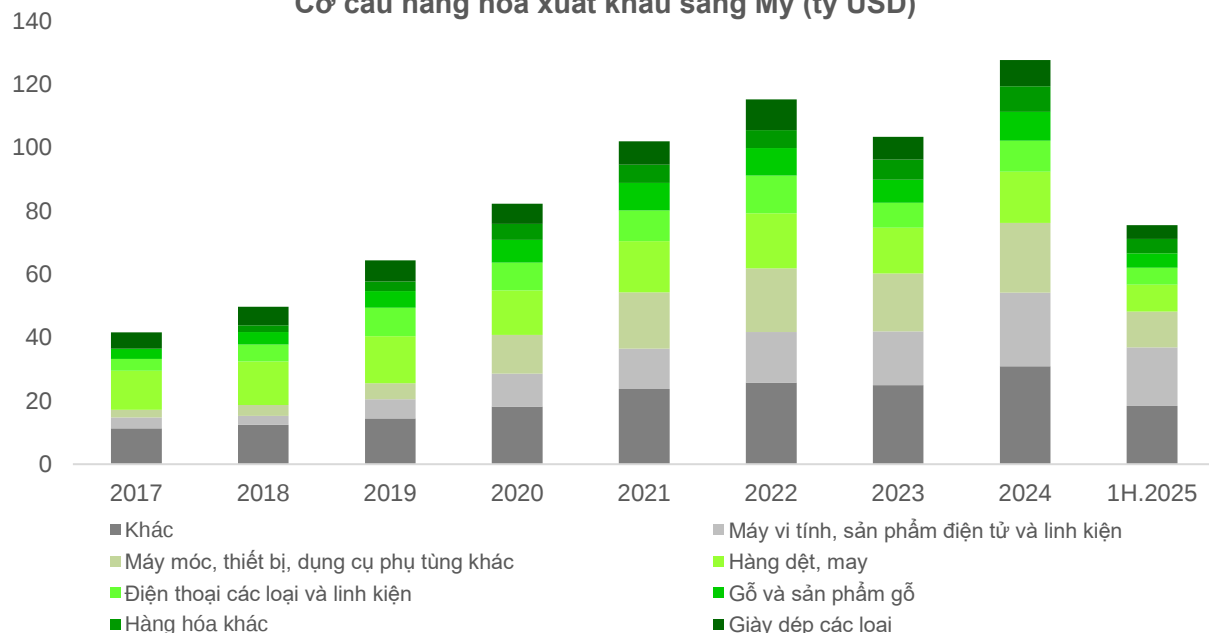


## Một số định nghĩa về sản phẩm trung chuyển cần được làm rõ hơn

**02/07** Tổng thống Trump công bố mức thuế đối ứng đối với Việt Nam: **20% với hàng xuất khẩu** (giảm từ 46% vào tháng 4/2025) và **40% với hàng trung chuyển**.

- Việt Nam có giá trị xuất khẩu sang Mỹ rất lớn (hơn 100 tỷ USD mỗi năm); do đó các quyết định về thuế quan sẽ có tác động sâu rộng tới hoạt động xuất-nhập khẩu cũng như hoạt động sản xuất tại Việt Nam.
- VCBS đặc biệt lưu ý đến một số định nghĩa cần làm rõ hơn về sản phẩm trung chuyển (ví dụ như: nguyên tắc xuất xứ, tỷ lệ nội địa sản xuất, giá trị sản xuất nội địa gia tăng, hay các quy định khác).

**Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ (tỷ USD)**

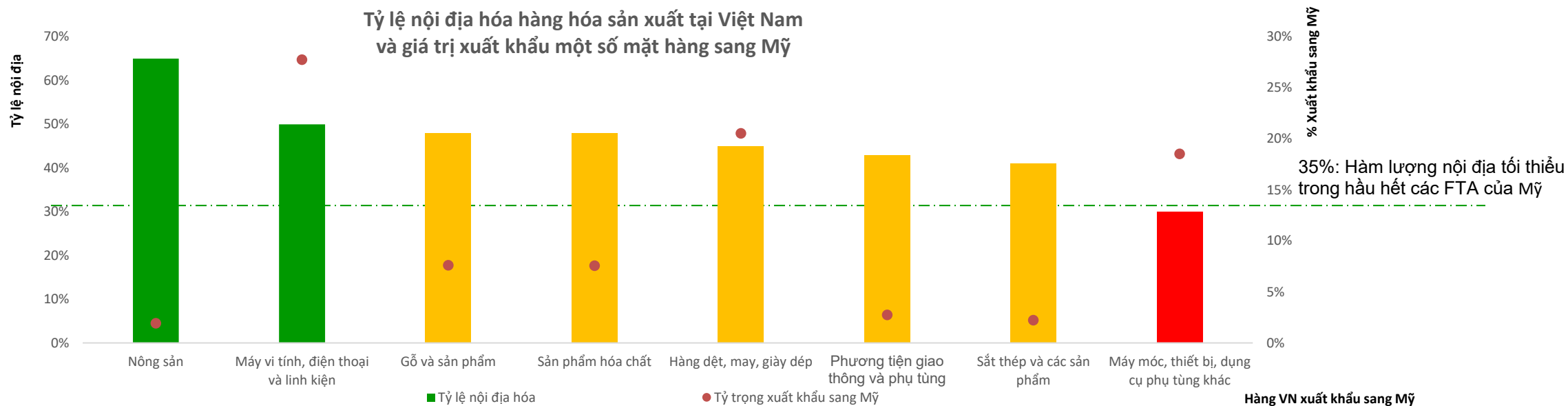


**Nhập khẩu theo mặt hàng (tỷ USD)**



## Hiện nay, chưa có tiêu chuẩn thống nhất xác định sản phẩm trung chuyển

- Trong bối cảnh thương mại toàn cầu ngày càng căng thẳng và các biện pháp thuế đối ứng của Mỹ ngày một gia tăng, **vấn đề hàng trung chuyển (transshipment) và quy tắc xuất xứ (ROO) trở thành tâm điểm chú ý trong kiểm soát thương mại quốc tế.**
- Theo pháp luật Mỹ, việc cố ý khai báo sai, làm sai lệch bản chất hàng hóa nhằm che giấu nguồn gốc thực sự bị xem là hành vi gian lận, theo quy định tại Section 592 – Tariff Act 1930 và 19 CFR về yêu cầu ghi nhãn xuất xứ.
- Hiện nay, chúng tôi quan sát thấy: chưa có tiêu chuẩn hay định nghĩa cụ thể về “hàng trung chuyển”; mà thường **tập trung vào ngưỡng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa (~35%)** và yếu tố “biến đổi bản chất đáng kể – Substantial Transformation” trong quá trình sản xuất.
  - Ngưỡng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa (~35%): yêu cầu hàng hóa phải có ít nhất 35% giá trị gia tăng tại quốc gia để được công nhận xuất xứ, dựa trên chi phí nguyên liệu, lao động, và sản xuất tại địa phương. Ví dụ, nếu một lô hàng dệt may nhập khẩu từ quốc gia khác về, và chỉ được may thêm tại Việt Nam với giá trị gia tăng dưới 35%, nó sẽ bị coi là trung chuyển và chịu thuế 40%.
  - Yếu tố “Biến đổi bản chất đáng kể – Substantial Transformation”: Đây là tiêu chí quan trọng để xác định xem hàng hóa đã trải qua sự thay đổi cơ bản về hình thức, tính chất, hoặc công dụng tại quốc gia trung chuyển hay không. Ví dụ, nếu máy móc và thiết bị chỉ được lắp ráp đơn giản tại Việt Nam mà không có sự cải tiến đáng kể, hàng hóa sẽ không công nhận xuất xứ Việt Nam.



**Nông nghiệp và thủy sản** chịu ít rủi ro hàng trung chuyển.

**Các mặt hàng điện tử** (máy tính, điện thoại) được miễn thuế đối ứng.

**Máy móc & thiết bị** là mặt hàng dễ bị ảnh hưởng do hàm lượng nội địa thấp.

**Hàng may mặc, túi xách và giày dép** bị tổn thương do phụ thuộc vào nguyên liệu thô nhập khẩu.

- Theo OECD, **Ngành nông nghiệp** đạt mức 65% tỷ lệ nội địa hóa hàng hóa. Như vậy, nhóm ngành này ít chịu rủi ro từ thuế.
- Hơn 30% hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ: chủ yếu là **Máy vi tính, điện thoại và linh kiện** được miễn thuế đối ứng.
- Trong khi các ngành xuất khẩu lớn như **Máy móc & thiết bị** chỉ đạt tỷ lệ nội địa 30% – thấp hơn cả ngưỡng tối thiểu 35% trong phần lớn các FTA của Mỹ. Theo đó, đây là ngành mà chúng tôi đặc biệt lưu ý có nguy cơ bị tác động lớn nhất từ thuế đối ứng về hàng trung chuyển.
- Các ngành khác có tỷ lệ nội địa ở ngưỡng trung bình như **Vận tải (43%)**, **Kim loại (41%)** hay **Dệt may (45%)**: đây là những nhóm ngành cần theo dõi thêm. Nếu các quy định về hàng trung chuyển chặt chẽ và yêu cầu cao hơn, đây sẽ là những nhóm ngành có khả năng chịu tác động.

## **Thỏa thuận vẫn đang để ngỏ khả năng tiếp tục đàm phán, mở ra dư địa điều chỉnh linh hoạt hơn trong tương lai**

- ♥ Kinh nghiệm từ các quốc gia đạt được kết quả sơ bộ cho thấy sẽ cần thời gian để tiếp tục đàm phán chi tiết hơn nữa.
- ♥ Vương quốc Anh đã đạt mức thuế đối ứng 10%, thấp nhất trong số các quốc gia, sau đàm phán sơ bộ với Mỹ.
  - Tháng 4/2025: Mỹ công bố áp thuế đối ứng 25% đối với Vương quốc Anh, và Anh không có động thái trả đũa
  - Tháng 5/2025: Mỹ và Anh đạt được kết quả sơ bộ, với mức thuế cơ bản 10%
  - Tháng 6/2025: Thép và nhôm được hạ thuế về 0%
- ♥ Như vậy, sau ngày thông báo mức thuế mới, hai quốc gia cần thời gian để đàm phán chi tiết về các ngành cụ thể. Và thậm chí hiện nay mới có thông tin về một số ngành, hai quốc gia này xa hơn cũng sẽ cần thêm thời gian để đàm phán chuyên sâu hơn nữa.
- ♥ **Kinh nghiệm từ các quốc gia, mở ra bài học cho Việt Nam:**
  - Cũng giống như các quốc gia lớn, khi nhận được thông báo về thuế đối ứng ở mức rất cao (tháng 4/2025), Việt Nam đã lựa chọn cách tiếp cận thận trọng và cân nhắc dài hạn. Cụ thể, Chính phủ ưu tiên giải pháp thương lượng thay vì đối đầu trực tiếp, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến quan hệ thương mại song phương và nền kinh tế trong nước. Theo đó, Việt Nam đã nhận được kết quả tích cực (thuế 20%, và thấp hơn so với nhiều quốc gia).
  - Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần minh bạch chuỗi cung ứng và chứng minh xuất xứ nội địa rõ ràng trong thời gian tới.
  - Giống như kinh nghiệm từ các quốc gia khác, Việt Nam cũng sẽ có thời gian để đàm phán, mở ra dư địa điều chỉnh linh hoạt hơn trong tương lai.

**Chúng tôi cho rằng Việt Nam với thế mạnh ngoại giao linh hoạt đã được chứng minh qua thời gian, diễn biến đàm phán có thể đạt được các kết quả tích cực hơn nữa.**

## VCBS tiếp tục tin tưởng vào triển vọng lạc quan của Việt Nam

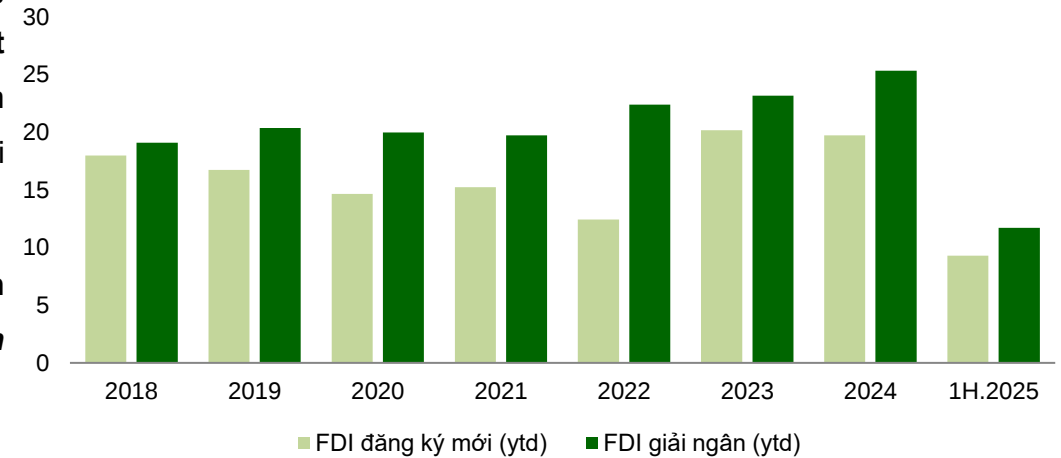
VCBS lạc quan và tin tưởng mạnh mẽ vào các chính sách điều hành nội địa cũng như chiến lược ngoại giao linh hoạt của Chính phủ Việt Nam, với mục tiêu hướng tới một mô hình tăng trưởng bền vững và lâu dài. Những bước đi này không chỉ giúp Việt Nam thích nghi với bối cảnh thương mại quốc tế đầy biến động, đặc biệt trong bối cảnh áp lực từ thuế đối ứng của Mỹ, mà còn tạo nền tảng vững chắc để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn lưu ý đến một số mặt hàng có khả năng cao vào danh sách hàng trung chuyển, như: máy móc và thiết bị. Ngoài ra, các ngành khác như vận tải, kim loại hay dệt may cũng có thể có nguy cơ vào danh sách các mặt hàng chịu mức thuế cao.

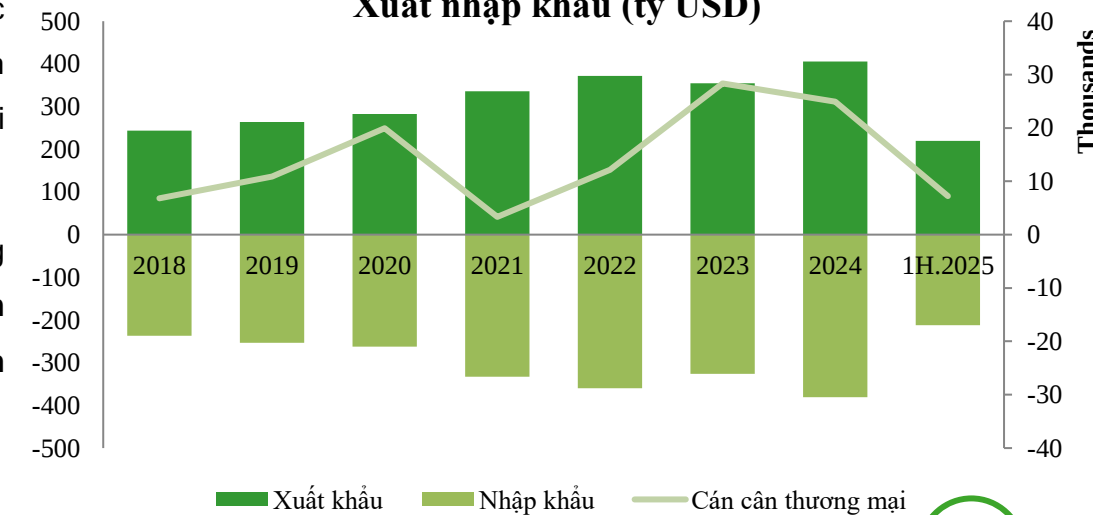
Chúng tôi cho rằng nếu Mỹ yêu cầu tỷ lệ nội địa hóa cao: cả xuất khẩu và đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể ảnh hưởng trong ngắn hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn, áp lực này có thể thúc đẩy các doanh nghiệp FDI chuyển dịch sản xuất gia tăng giá trị sang Việt Nam. Theo đó, các sản phẩm sẽ được nâng cao tỷ lệ nội địa hóa. Đồng thời, các doanh nghiệp trong nước cũng sẽ phải minh bạch hóa chuỗi cung ứng, và nâng cao chất lượng gia tăng sản phẩm.

Hơn nữa, trong bối cảnh căng thẳng thương mại, Việt Nam vẫn đang chứng minh nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định của Việt Nam, cùng tiềm năng tăng trưởng khả quan. Theo đó, Việt Nam có cơ hội nổi bật như một điểm đến lý tưởng cho đầu tư và hoạt động sản xuất - kinh doanh trong tương lai gần, và củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Vốn đầu tư trực tiếp FDI (tỷ USD)



Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## Thông tin liên hệ

**Trần Minh Hoàng**

*Giám đốc Nghiên cứu – Phân tích*

[tmhoang@vcbs.com.vn](mailto:tmhoang@vcbs.com.vn)

**Đặng Khánh Linh**

*Kinh tế Trưởng*

[dklinh@vcbs.com.vn](mailto:dklinh@vcbs.com.vn)